

Số: 02/2022/QĐST-HNGĐ

Lục Ngạn, ngày 21 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v hủy kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Đức Nhưường.

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên họp: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST-VDS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Hủy kết hôn trái pháp luật”.

Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2022/QĐST-VDS ngày 07 tháng 02 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Cam Văn T**, sinh năm 1983. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị **Đỗ Thị B**, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Mi, xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Đỗ Thị N**, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh **Trần Văn Năm**, sinh năm 1983. Có mặt

Địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

3. Ủy ban nhân dân xã G, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang – Do ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch UBND xã G đại diện. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B trình bày:

- Anh Cam Văn T trình bày: Năm 2006, anh và chị Đỗ Thị N quen biết nhau và thống nhất đi đến kết hôn. Tuy nhiên lúc đó chị Đỗ Thị N, sinh năm 1990 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định nếu tổ chức đám cưới mà chưa đăng ký kết hôn thì sẽ bị chính quyền địa phương đến xử phạt và không cho tổ chức. Do đó hai bên gia đình đã thống nhất là chị N sử dụng tên và chứng minh thư của chị gái ruột là Đỗ Thị B, sinh năm 1989 để làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh, chị B cũng đồng ý đi đăng ký để anh làm đám cưới với chị N. Ngày 19/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang anh và chị B đăng ký kết hôn (lấy tên tuổi chị Đỗ Thị B do chị B tự tay ký tên chị B) và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 quyền số 01 ngày 19/09/2006 giữa anh và chị Đỗ Thị B. Sau khi đi đăng ký kết hôn với chị B thì thực tế anh làm đám cưới với chị N (em gái chị B) và chung sống với chị Đỗ Thị N, giữa anh và chị Đỗ Thị B không hề chung sống với nhau, không có con chung. Anh xác định mục đích của việc đăng ký kết hôn giữa anh và chị Đỗ Thị B là để anh được tổ chức đám cưới và về chung sống với chị N chứ không có mục đích chung sống cùng với chị B, việc đăng ký kết hôn chỉ là giả tạo. Nay anh đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Đỗ Thị B theo chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 quyền số 01 ngày 19/09/2006 của Ủy ban nhân dân xã G giữa anh và chị Đỗ Thị B.

- Chị Đỗ Thị B trình bày: Năm 2008, chị và anh Trần Văn N quen biết nhau và đi đến kết hôn. Tuy nhiên khi chị và anh N làm thủ tục đăng ký kết hôn thì trước đó vào năm 2006 chị Đỗ Thị N là em gái ruột chị kết hôn với anh Cam Văn T do chị N chưa đủ tuổi nên chị đã thay em gái chị đăng ký kết hôn với anh Cam Văn T để anh T tổ chức đám cưới với chị N. Chị xác định chị có được cùng đi đăng ký kết hôn với anh Cam Văn T tại Ủy ban nhân dân xã G vào năm 2006 nhưng chị và anh T không hề chung sống với nhau, không có con chung. Mục đích chị và anh T đăng ký kết hôn là giả tạo, là để em gái chị và anh T cưới nhau. Nay chị đề nghị Tòa án gủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Cam Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Chị Đỗ Thị N trình bày: Năm 2006, chị và anh Cam Văn T quen biết nhau và đi đến kết hôn, do chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Nên hai bên gia đình thống nhất sử dụng tên và chứng minh thư của chị gái ruột chị là Đỗ Thị B, sinh năm 1989 (lúc này chị B chưa lấy chồng) để làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Cam Văn T, chị B đồng ý. Ngày 19/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang chị B và anh Cam Văn T đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 giữa anh T và chị Đỗ Thị B. Mục đích chị B và anh T đăng ký kết hôn là để chị và anh T tổ chức cưới nhau vì nếu không có đăng ký kết hôn thì chính quyền địa phương sẽ không cho tổ chức và xử phạt. Sau Khi anh T chị B đăng ký kết hôn chị và anh T tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ đó đến nay. Anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B không hề chung

sống với nhau, không có con chung. Việc đăng ký kết hôn giữa anh Cam Văn T theo giấy đăng ký kết hôn với tên chị Đỗ Thị B là giả tạo. Nay chị đồng ý với đơn yêu cầu của anh Cam Văn T đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị Đỗ Thị B.

- Anh Trần Văn N trình bày: Năm 2008, anh và chị Đỗ Thị B kết hôn, khi anh và chị B đi làm thủ tục đăng ký kết hôn thì trước đó vào năm 2006, chị Đỗ Thị N là em gái ruột chị Đỗ Thị B chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chị B đã đi đăng ký kết hôn với anh Cam Văn T để anh T tổ chức cưới với chị N. Ngày 24/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang anh và chị B đăng ký kết hôn. Chị B phải lấy tên tuổi chị Đỗ Thị N để đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2008 giữa anh và tên chị Đỗ Thị N. Sau đó anh và chị B tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ năm 2008 đến nay. Anh xác nhận giữa anh và chị Đỗ Thị N không hề chung sống với nhau, không có con chung mà thực tế chị N chung sống với anh Cam Văn T từ năm 2006. Anh không hề đi đăng ký kết hôn với chị Đỗ Thị N, việc đăng ký kết hôn giữa anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B là giả tạo. Nay anh Cam Văn T đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị Đỗ Thị B anh nhất trí.

- Ủy ban nhân dân xã G do ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch UBND xã đại diện trình bày: Năm 2006 Ủy ban nhân dân xã G có làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B. Khi đăng ký kết hôn thì Ủy ban nhân dân xã không biết chị N và chị B sử dụng chứng minh thư của nhau, do chị B và chị N là hai chị em. Ủy ban nhân dân xã đã kiểm tra chị B chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn với ai nên đủ điều kiện đăng ký kết hôn và tiến hành đăng ký cho chị B anh T theo quy định. Việc đăng ký kết hôn là đúng quy định, chị B anh T trực tiếp đến làm thủ tục và ký vào các giấy tờ. Sau đó cấp cho anh T chị B giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01 ngày 19/9/2006.

Sau khi nhận được thông báo việc dân sự của Tòa án Ủy ban nhân dân xã đã kiểm tra xác minh thì được biết sau khi đăng ký kết hôn anh T chị B không chung sống với nhau mà anh T lại chung sống cùng chị Đỗ Thị N là em gái chị B. Do vậy, Ủy ban nhân dân xã xác định việc anh Cam Văn T đăng ký kết hôn với chị Đỗ Thị B là không đúng thực tế, có sự giam dối với Ủy ban nhân dân xã. Nay anh T chị B đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh T chị B Ủy ban nhân dân xã xác nhận mặc dù hai bên có đăng ký kết hôn nhưng mục đích không phải là về chung sống cùng nhau, có sự giả tạo trong việc đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã cũng đồng ý đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn giữa anh T và chị B.

Tại phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Cam Văn T chị Đỗ Thị B giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án tuyên bố hủy kết hôn giữa anh và chị Đỗ Thị B là trái pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị N và anh Trần Văn Năm giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã G vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt, Tòa án đã công bố lời khai của đại diện UBND xã G có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang phát biểu: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Anh Cam Văn T chị Đỗ Thị B đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T chị B.

Về con chung, tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: Anh Cam Văn T chị Đỗ Thị B phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B được Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn vào ngày 19/09/2006. Anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn thụ lý giải quyết yêu cầu của anh Cam Văn T chị Đỗ Thị B là phù hợp với Điều 29, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về xem xét, giải quyết yêu cầu liên quan đến việc hủy kết hôn trái pháp luật thì Tòa án phải căn cứ vào quy định của Pháp luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân để xác định việc kết hôn có trái pháp luật hay không. Anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B kết hôn ngày 19/09/2006, được áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 để xem xét giải quyết.

Tại phiên họp vắng mặt Ủy ban nhân dân xã G, huyện Lục Ngạn nhưng đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 367 Bộ luật dân sự năm 2015

[2] Xét yêu cầu của anh Cam Văn T hủy kết hôn trái pháp luật với chị Đỗ Thị B

Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 quyển số 01, ngày 19/09/2006 do đương sự cung cấp, tài liệu còn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã G và lời khai của các đương sự đều xác nhận:

Anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B có cùng nhau đến Ủy ban nhân dân xã G đăng ký kết hôn cùng nhau. Tuy nhiên mục đích của việc anh T chị B đi đăng ký kết hôn không phải nhằm mục đích xây dựng gia đình mà nhằm thực hiện mục đích khác. Nguyên nhân là do vào năm 2006 chị Đỗ Thị N sinh năm 1990 chưa đủ tuổi đăng ký kết nên các bên đã thống nhất lấy tên và tuổi chị Đỗ Thị B, sinh năm 1990 là chị gái chị N để làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh T, chị B đồng ý. Một

lý do nữa các bên thừa nhận và cho rằng nếu không có đăng ký kết hôn thì chính quyền địa phương không có tổ chức lễ cưới nếu tổ chức sẽ bị phạt, do vậy để cưới được nhau thì anh T chị B đăng ký kết hôn với nhau để anh T có thể cưới chị N. Thực tế sau khi đăng ký kết hôn thì anh T và chị N tổ chức lễ cưới và về chung sống cùng nhau, anh T không hề chung sống cùng chị B. Mẹ đẻ của chị B và Chị N cũng xác nhận có việc chị B và anh T đi đăng ký kết hôn với nhau nhưng khi tổ chức cưới hỏi lại là cưới với chị N và anh T chung sống với chị N đến nay. Anh Năm cưới hỏi với chị B và chung sống với chị B từ năm 2008 đến nay. Trường thôn nơi chị N anh T sinh sống cũng xác định là từ năm 2006 đến nay anh T và chị N chung sống với nhau.

Từ phân tích nêu trên thì anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B không hề chung sống cùng nhau, việc anh T và chị B đăng ký kết hôn với nhau nhưng mục đích của việc đăng ký kết hôn lại nhằm mục đích khác không nhằm mục đích xây dựng gia đình, mục đích khác là mục đích là để anh T xây dựng gia đình với chị Đỗ Thị N (là em gái ruột của chị Đỗ Thị B) và chung sống cùng chị N, do đó mục đích của việc đăng ký kết hôn là giả tạo không nhằm mục đích thể hiện trong giấy đăng ký kết hôn. Việc đăng ký kết hôn giữa anh T chị B là giả tạo và vi phạm quy định tại Điều 4, Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy yêu cầu của anh Cam Văn T chị Đỗ Thị B có căn cứ để chấp nhận và cần hủy việc kết giữa anh T và chị B theo giấy chứng nhận kết hôn số 432006, quyển số 01 ngày 19/09/2006 của Ủy ban nhân dân xã G huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về con chung: Anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B không có con chung. Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Anh Cam Văn T chị Đỗ Thị B phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4, Điều 8, Điều 9, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01 ngày 19/09/2006 của Ủy ban nhân dân xã G huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Cam Văn T chị Đỗ Thị B mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T, chị B mỗi người đã nộp 300.000 đồng tại biên lai tạm ứng lệ phí thu số: 00010495 và số: 0010496 cùng ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Hoàn trả lại anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B mỗi người số tiền 150.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã G, Lục Ngạn;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường